

Bản án số: 66/2018/HS-ST
Ngày 15-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Văn Th, sinh ngày 22 tháng 6 năm 1959 tại Hải Phòng. ĐKNKTT: Số 9/86 (số mới 23/156) VK, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng; Nơi tạm trú trước khi bỏ trốn: Số 18C/12 CC, phường TC, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Kh và bà Lê Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Ng; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2018, đến ngày 24/01/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Luật sư của Văn phòng Luật sư Á Đông thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số 181 TH, phường TRC, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:* Ông Đặng Đình Ch, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số 181 TH, phường TRC, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 1995 đến tháng 8 năm 1996, chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 181 TH, phường TRC, quận LC, thành phố Hải Phòng do tin tưởng Đỗ Văn Th nên đã nhiều lần bán xe máy các loại đã qua sử dụng do Nhật Bản sản xuất theo hình thức trả chậm để Th chuyển lên Hà Nội cùng anh Trịnh Cao Tr bán cho người tiêu dùng. Th có trách nhiệm nhận tiền hàng từ Trọng mang về trả chị L. Giai đoạn đầu, Th đều mang đầy đủ tiền anh Trọng đưa về trả cho chị L, sau đó do Th cần tiền kinh doanh nên đã không mang tiền về trả đầy đủ cho chị L mà giữ lại một phần để kinh doanh riêng. Chị L có yêu cầu Th thanh toán, Th đã nói dối chị L là khách hàng chưa trả. Chị L kiểm tra qua anh Trọng phát hiện sự việc trên nên đã yêu cầu anh Trọng, Th đối chiếu công nợ. Tới ngày 17/8/1996 tại nhà Th số 18C/12 CC, phường TC, quận LC, thành phố Hải Phòng, chị L và anh Tr đã mang sổ sách chứng từ giao nhận xe máy, giao nhận tiền đối chiếu trực tiếp cùng Th. Kết quả cho thấy từ cuối năm 1995 đến tháng 8 năm 1996, Th nhận của chị L tổng số 182 chiếc xe máy các loại đã qua sử dụng do Nhật Bản sản xuất, tương đương với tổng số tiền là 228.180 USD, Th đã bán 169 chiếc xe máy các loại tương đương với số tiền là 210.770 USD, Th đã trả chị L tổng số tiền hàng là 135.790 USD và còn nợ chị L số tiền là 74.980 USD, đồng thời ký vào giấy nhận nợ hẹn đến ngày 21/8/1996 sẽ trả trước cho chị L số tiền là 30.000 USD. Nhưng đến hẹn, Đỗ Văn Th không thanh toán mà bỏ trốn, không thực hiện việc trả nợ chị L. Chị L có đơn tố cáo hành vi của Th đến Công an thành phố Hà Nội.

Ngày 14/01/2018, Đỗ Văn Th bị bắt tại thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận theo Quyết định truy nã số 143 ngày 23/9/2018 của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội.

Tại Cơ quan điều tra, Th khai nhận như trên và khai: Số tiền nợ chị L, Th đã đầu tư vào việc mua lô xe máy nhập từ Trung Quốc không giấy tờ nên bị thất thoát. Do khoản tiền nợ quá lớn, Th không có khả năng thanh toán nên Th đã bỏ trốn nhằm trốn trách nhiệm trả nợ chị L. Quá trình bỏ trốn, Th không gặp, không liên lạc gì với chị L để xin khát nợ.

Vật chứng vụ án: Chứng minh thư nhân dân và Giấy phép lái xe chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Về dân sự: Chị L yêu cầu bị cáo Đỗ Văn Th bồi thường số tiền 74.980 USD đã chiếm đoạt, quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá giữa tiền Việt Nam với tiền Đô la Mỹ tại thời điểm xét xử.

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKS-P3 ngày 31 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Đỗ Văn Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi năm 1992.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi năm 1992; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 5 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th từ 13 năm tù đến 15 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về dân sự: Đối với yêu cầu của anh Đặng Đình Ch về việc đề nghị Tòa án buộc bị cáo phải bồi thường cho anh một nửa số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị L vì anh cho rằng đó là tài sản chung của vợ chồng anh trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa, bị hại L thừa nhận bị cáo chiếm đoạt số tiền của chị là tài sản chung của vợ chồng chị trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, chị đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền trên. Vì hiện nay anh chị đã ly hôn nhưng chưa phân chia tài sản chung, sau này anh chị sẽ tự giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của chị Nguyễn Thị L. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền 74.980 USD, quy đổi ra tiền VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm xét xử ngày 15 tháng 8 năm 2018, để tuyên phạt đối với bị cáo.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn Th: Luật sư không tranh luận về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố đối với bị cáo. Đồng thời, Luật sư phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có công với cách mạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm trở về với xã hội.

Quan điểm của bị hại Nguyễn Thị L: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị L công nhận số tiền bị cáo Th chiếm đoạt của chị là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, đến nay chị và anh Ch đã ly hôn (năm 2015), tài sản chưa được chia. Do đó, chị L đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 74.980 USD, quy đổi ra tiền VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại

thời điểm xét xử ngày 15 tháng 8 năm 2018. Đồng thời, chị L cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn Th đồng ý với quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo; không tranh luận lại quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng; Bị cáo có lời nói sau cùng, gửi lời xin lỗi tới bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Do tin tưởng Đỗ Văn Th nên trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 1995 đến tháng 8 năm 1996, chị Nguyễn Thị L giao cho Đỗ Văn Th tổng số 182 xe máy các loại đã qua sử dụng để Th mang lên Hà Nội bán cho người tiêu dùng. Tính đến ngày 17/8/1996, Th còn nợ lại chị L tổng số tiền là 74.980 USD, quy đổi theo tỷ giá hối đoái là 826.654.500 đồng. Quy ra giá trị tương đương với 144.469 kg gạo nếp. Th đã ký giấy biên nhận số nợ trên và hẹn đến ngày 21/8/1996 sẽ trả chị L. Tuy nhiên, đến hạn Th không trả mà bỏ trốn nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền trên. Do đó, hành vi trên của bị cáo Đỗ Văn Th đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi năm 1992.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Bị cáo Đỗ Văn Th đã có hành vi lợi dụng lòng tin của bị hại là chị Nguyễn Thị L, chiếm đoạt số tiền 74.980 USD, quy đổi theo tỷ giá hối đoái là 826.654.500 đồng và tương đương với 144.469 kg gạo, sau đó bỏ trốn nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền trên. Tại Mục XII Nghị quyết số 01-HĐTP/NQ ngày 19 tháng 4 năm 1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự quy định: “...đối với tiền và các loại tài sản, hàng hóa, vật tư khác thì quy ra giá trị tương đương 05 tấn gạo – được coi là số lượng tài sản, hàng hóa, vật tư có giá trị lớn hoặc số lượng lớn, khi trị giá gấp 3

lần các mức nêu trên thì được coi là giá trị lớn hoặc có số lượng rất lớn, nghĩa là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng”. Do vậy, hành vi của bị cáo Th đã phạm tình tiết định khung quy định tại khoản 3 (phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng), Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi năm 1992.

[4] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn làm mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt:

[5] Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, đến ngày 14/01/2018 bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bố đẻ của bị cáo tham gia kháng chiến được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; đồng thời, tại phiên tòa, bị hại có đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Xét tính chất vụ án, cần xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th mức án trên khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về dân sự: Anh Đặng Đình Ch và chị Nguyễn Thị L (bị hại) kết hôn năm 1992 và đã ly hôn năm 2015. Anh Chiến và chị L đều thừa nhận bị cáo chiếm đoạt số tiền 74.980 USD là tài sản chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân tồn tại. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị L đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền trên vì chị và anh Chiến đã ly hôn nhưng chưa phân chia tài sản chung, sau này anh chị sẽ tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết tại phiên tòa này. Hội đồng xét xử xét đề nghị của bị hại L là phù hợp vì bị cáo là người chiếm đoạt trực tiếp đối với chị L trong vụ án trên nên cần tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền 74.980 USD, quy đổi ra tiền VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm xét xử ngày 15 tháng 8 năm 2018, theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: 01 USD = 22.686 VNĐ. Vậy: 74.980 USD x 22.686 VNĐ = 1.700.996.280 (*Một tỷ, bảy trăm triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi*) đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra hiện đang thu giữ: 01 Chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe của bị cáo Đỗ Văn Th, cần trả lại cho bị cáo.

[9] Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[10] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; đồng thời chấp nhận đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo.

- *Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án:*

[11] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi năm 1992; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 5 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Đỗ Văn Th:** 13 (*Mười ba*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2018.

2. *Về dân sự:* Căn cứ các Điều 357; 584; 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị L số tiền 1.700.996.280 (*Một tỷ, bảy trăm triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ vào khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn Th 01 Chứng minh nhân dân số 030019416 và 01 Giấy phép lái xe số 6431- 15B (Đặc điểm chi tiết thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đỗ Văn Th phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 63.029.888 (*Sáu mươi ba triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- **VKSNDCC tại Hà Nội;**
- **Vụ GDKT 1- TANDTC;**
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Phạm Thị Thanh Bình

